

## THÔNG BÁO

**triệu tập thí sinh tham dự kỳ thi nâng ngạch công chức cơ quan của Đảng,  
Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện  
tỉnh Quảng Trị năm 2021**

-----

Căn cứ Quyết định số 442-QĐ/TU, ngày 26/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Quảng Trị năm 2021; Quyết định số 443-QĐ/TU, ngày 26/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phê duyệt danh sách công chức đủ điều kiện dự thi nâng ngạch, Hội đồng thi nâng ngạch triệu tập 63 thí sinh đủ điều kiện dự thi (có danh sách kèm theo).

### **1. Môn thi, hình thức và thời gian thi của mỗi môn**

- *Môn kiến thức chung*: Hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính; thời gian thi 60 phút; số lượng 60 câu hỏi.

- *Môn ngoại ngữ (tiếng Anh)*: Hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính; thời gian thi 30 phút; số lượng 30 câu hỏi.

- *Môn chuyên môn, nghiệp vụ*: Hình thức thi viết trên giấy; thời gian thi 180 phút đối với thi lên ngạch chuyên viên chính, 120 phút đối với thi lên ngạch chuyên viên.

### **2. Thời gian, địa điểm tổ chức thi**

- *Thời gian thi*: Ngày **25/12/2021**.

\* Buổi sáng:

+ 7h30 - 8h00: Khai mạc kỳ thi.

+ 8h30 - 9h30: Thi trắc nghiệm môn kiến thức chung.

+ 10h00 - 10h30: Thi trắc nghiệm môn ngoại ngữ.

\* Buổi chiều: 14h00 - 17h00 thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ.

- *Địa điểm thi*: Trường CĐSP Quảng Trị (Km 3, quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị).

### 3. Lệ phí dự thi

Lệ phí dự thi kỳ thi nâng ngạch công chức cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Quảng Trị năm 2021 thực hiện theo Thông tư số 228/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính: 700.000đ/thí sinh (kỳ thi có dưới 100 thí sinh).

### 4. Về yêu cầu đối với thí sinh

Thí sinh tham dự kỳ thi phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của nội quy thi; xuất trình giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi; có mặt trước thời điểm tổ chức khai mạc và tổ chức thi của mỗi môn 15 phút.

Hội đồng thi nâng ngạch thông báo để các cơ quan, đơn vị có liên quan và thí sinh biết, thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thành viên Hội đồng thi,
- Trường CDSP Quảng Trị,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có thí sinh dự thi,
- Cổng Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị
- Lưu Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

**TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY**

kiêm

**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Phan Văn Phụng**



**DANH SÁCH**  
**TRIỆU TẬP THI SINH THAM DỰ KỲ THI NÂNG NGẠCH**  
**TỪ NGẠCH CÁN SỰ LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN NĂM 2021**  
*(Kèm theo Thông báo số 233 -QĐ/TU, ngày 07/12/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch)*

| TT | Họ và tên       | Ngày, tháng, năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác                       | Ngạch, hệ số lương hiện hưởng  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi |           |          | Miễn thi ngoại ngữ |
|----|-----------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|----------|--------------------|
|    |                 |                       |                                                |                                | Chuyên môn                                        | LLCT      | QLNN     |                    |
| 1. | Hồ Văn Hiếu     | 12/12/1982            | HUV, Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông   | 01.004<br>3,06<br>(10/11/2020) | Đại học ngành Luật                                | Cao cấp   | QLNN NCV | Có                 |
| 2. | Nguyễn Chí Kiên | 07/11/1981            | Cán sự Ban Phong trào, Hội Cựu chiến binh tỉnh | 01.004<br>2,66<br>(18/6/2020)  | Đại học ngành Kế toán                             | Trung cấp | QLNN NCV | Không              |
| 3. | Nguyễn Hữu Thân | 05/11/1981            | Cán sự Cơ quan Thị ủy Quảng Trị                | 06.032<br>3,46<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Kế toán                             | -         | QLNN NCV | Không              |
| 4. | Nguyễn Thị Thơi | 06/6/1972             | Cán sự Hội Nông dân tỉnh                       | 01.004<br>3,86<br>(01/01/2021) | Đại học ngành Luật                                | -         | QLNN NCV | Không              |
| 5. | Lê Thị Huệ      | 03/10/1978            | Cán sự Văn phòng Huyện ủy Hải Lăng             | 01.004<br>3,06<br>(01/01/2021) | Đại học ngành Luật                                | -         | QLNN NCV | Không              |

*Danh sách này gồm có 05 đồng chí./.*

**DANH SÁCH**  
**TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI NÂNG NGẠCH**  
**TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2021**  
*(Kèm theo Thông báo số 233 -QĐ/TU, ngày 07/12/2021 của Hội đồng thi nâng ngạch)*

| TT | Họ và tên      |        | Ngày, tháng, năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác                                                                 | Ngạch, hệ số lương hiện hưởng  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi               |           |           | Miễn thi ngoại ngữ |
|----|----------------|--------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|
|    |                |        |                       |                                                                                          |                                | Chuyên môn                                                      | LLCT      | QLNN      |                    |
| 1. | Phùng Xuân     | Hợp    | 30/10/1981            | Chuyên viên Phòng Đào tạo, Chính sách cán bộ và Tổng hợp, Ban Tổ chức Tỉnh ủy            | 01.003<br>3,66<br>(01/7/2019)  | Đại học ngành Hán Nôm; Đại học ngành Luật; Thạc sĩ Ngôn ngữ học | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 2. | Cao Thị        | Huyền  | 21/02/1977            | Phó Trưởng Phòng Tài chính đảng, Văn phòng Tỉnh ủy                                       | 01.003<br>4,32<br>(01/11/2020) | Đại học ngành Kế toán                                           | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 3. | Trương Xuân    | Thùy   | 01/5/1983             | Chuyên viên Phòng Tài chính đảng, Văn phòng Tỉnh ủy                                      | 01.003<br>3,66<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Kế toán; Thạc sĩ Quản lý kinh tế                  | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 4. | Nguyễn Thị     | Luận   | 04/02/1981            | Chuyên viên Phòng Hành chính - Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy                                | 01.003<br>3,99<br>(01/4/2020)  | Đại học ngành Quản lý xã hội                                    | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 5. | Trần Thị       | Lài    | 18/9/1979             | Chuyên viên Phòng Dân vận chính quyền nhà nước, Dân tộc và Tôn giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy | 01.003<br>3,99<br>(01/8/2021)  | Đại học ngành Lịch sử                                           | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |
| 6. | Nguyễn Thị Quế | Phượng | 28/02/1974            | Phó Chủ tịch Hội LHPN tỉnh                                                               | 01.003<br>4,32<br>(01/4/2020)  | Đại học ngành Khoa học quản lý                                  | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 7. | Lê Hoàng       | Thúy   | 12/12/1972            | Phó Trưởng Ban Kinh tế - Gia đình - Xã hội, Hội LHPN tỉnh                                | 01.003<br>3,99<br>(26/6/2019)  | Đại học ngành Kế toán                                           | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 8. | Nguyễn Thị Thu | Hòa    | 11/6/1977             | Chuyên viên Ban Kinh tế - Gia đình - Xã hội, Hội LHPN tỉnh                               | 01.003<br>4,65<br>(01/9/2021)  | Đại học Sư phạm Vật lý; Đại học ngành Luật                      | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 9. | Lê Văn         | Mẫn    | 16/6/1966             | Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội, Hội Nông dân tỉnh                                           | 01.003<br>4,98                 | Đại học ngành Chăn nuôi thú y                                   | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |



| TT  | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác                       | Ngạch, hệ số lương hiện hưởng  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi |           |           | Miễn thi ngoại ngữ |
|-----|----------------------|-----------------------|------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|
|     |                      |                       |                                                |                                | Chuyên môn                                        | LLCT      | QLNN      |                    |
|     |                      |                       |                                                | (01/01/2021)                   |                                                   |           |           |                    |
| 10. | Hồ Thị Thu Hà        | 08/01/1977            | Phó Chánh Văn phòng, Hội Nông dân tỉnh         | 01.003<br>3,99<br>(01/3/2020)  | Đại học ngành Bảo vệ thực vật                     | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 11. | Hồ Tuấn Bình         | 20/11/1980            | Phó Chánh Văn phòng, LĐLĐ tỉnh                 | 01.003<br>3,33<br>(01/7/2019)  | Đại học ngành Lịch sử                             | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 12. | Đinh Văn Châu        | 30/3/1973             | Phó Trưởng Ban Tài chính, LĐLĐ tỉnh            | 01.003<br>4,65<br>(01/8/2021)  | Đại học ngành Kế toán                             | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 13. | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh   | 22/4/1982             | Chuyên viên Ban Tổ chức - Kiểm tra, LĐLĐ tỉnh  | 01.003<br>3,33<br>(01/11/2019) | Đại học ngành Ngữ văn                             | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 14. | Nguyễn Quang Hòa     | 15/12/1967            | Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Y tế, LĐLĐ tỉnh   | 01.003<br>4,98<br>(01/7/2019)  | Đại học ngành Quản trị kinh doanh                 | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 15. | Trần Thị Thúy Lan    | 28/11/1984            | Phó Chủ tịch LĐLĐ huyện Triệu Phong            | 01.003<br>3,66<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Ngữ văn                             | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 16. | Nguyễn Thị Hoài Như  | 03/01/1981            | Phó Chủ tịch LĐLĐ thành phố Đông Hà            | 01.003<br>3,66<br>(01/7/2021)  | Đại học ngành Lịch sử                             | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 17. | Nguyễn Duy Ninh      | 15/7/1977             | Huyện ủy viên, Chủ tịch LĐLĐ huyện Triệu Phong | 01.003<br>4,32<br>(01/6/2021)  | Đại học ngành Báo chí                             | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |
| 18. | Hồ Minh Sáng         | 25/10/1977            | Huyện ủy viên, Chủ tịch LĐLĐ huyện Đakrông     | 01.003<br>4,32<br>(01/3/2021)  | Đại học ngành Luật kinh tế                        | Cao cấp   | QLNNCVC   | Có                 |
| 19. | Trương Thị Quảng Sơn | 07/5/1976             | Phó Trưởng Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh       | 01.003<br>4,65<br>(01/5/2021)  | Đại học ngành Luật kinh tế                        | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 20. | Ngô Trung Sơn        | 10/02/1980            | Phó Chủ tịch LĐLĐ huyện Hướng Hóa              | 01.003<br>3,33                 | Đại học ngành Triết học; Đại học                  | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |

| TT  | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác                                                                                     | Ngạch, hệ số lương hiện hưởng  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi                           |           |           | Miễn thi ngoại ngữ |
|-----|--------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|
|     |                    |                       |                                                                                                              |                                | Chuyên môn                                                                  | LLCT      | QLNN      |                    |
|     |                    |                       |                                                                                                              | (01/7/2019)                    | ngành Luật                                                                  |           |           |                    |
| 21. | Võ Quỳnh Thủy      | 25/5/1983             | Phó Chủ tịch LĐLĐ thị xã Quảng Trị                                                                           | 01.003<br>3,66<br>(09/7/2020)  | Đại học ngành Lịch sử                                                       | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 22. | Nguyễn Viết Trang  | 17/5/1966             | Phó Chủ tịch LĐLĐ huyện Vĩnh Linh                                                                            | 01.003<br>4,98<br>(01/4/2019)  | Đại học ngành Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn                   | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |
| 23. | Nguyễn Hồng Hải    | 18/12/1974            | Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Chủ tịch UBMTTQVN thành phố Đông Hà                                              | 01003<br>3,99<br>(01/5/2020)   | Đại học ngành Khoa học quản lý; Đại học ngành Luật                          | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |
| 24. | Mai Thị Kim Nhung  | 15/10/1985            | Thành ủy viên, Bí thư Thành đoàn Đông Hà, luân chuyển về giữ chức Bí thư Đảng ủy Phường 3, thành phố Đông Hà | 01.003<br>3,66<br>(01/01/2021) | Đại học ngành Giáo dục chính trị; Đại học ngành Luật                        | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 25. | Nguyễn Hoàng Lan   | 28/7/1982             | Phó Chủ tịch Hội LHPN thị xã Quảng Trị                                                                       | 01.003<br>3,33<br>(01/9/2018)  | Đại học ngành Kinh tế phát triển; Đại học ngành Quản lý nhà nước            | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 26. | Nguyễn Viết Thương | 06/10/1978            | Phó Trưởng Ban Tuyên giáo - Dân vận Thị ủy Quảng Trị                                                         | 01.003<br>3,99<br>(01/4/2020)  | Đại học ngành Triết học                                                     | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 27. | Nguyễn Thị Thúy    | 19/5/1981             | Thị ủy viên, Chánh Văn phòng Thị ủy Quảng Trị                                                                | 01.003<br>3,99<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Quản trị kinh doanh du lịch                                   | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 28. | Đinh Ngọc Vũ       | 12/02/1981            | Phó Chánh Văn phòng Thị ủy Quảng Trị                                                                         | 01.003<br>3,66<br>(13/3/2020)  | Đại học ngành Công nghệ thông tin; Đại học ngành Luật; Thạc sĩ Luật kinh tế | Trung cấp | QLNNCVC   | Không              |
| 29. | Trần Thị Minh Phúc | 17/5/1982             | Chủ tịch Hội nông dân thị xã Quảng Trị                                                                       | 01003<br>3,99                  | Đại học ngành Trồng trọt                                                    | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |



| TT  | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác                                                                                              | Ngạch, hệ số lương hiện hưởng  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi                              |           |         | Miễn thi ngoại ngữ |
|-----|---------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|--------------------|
|     |                     |                       |                                                                                                                       |                                | Chuyên môn                                                                     | LLCT      | QLNN    |                    |
|     |                     |                       |                                                                                                                       | (01/02/2021)                   |                                                                                |           |         |                    |
| 30. | Phạm Thành Khuê     | 10/3/1978             | Ủy viên Thường vụ Thị ủy, Chủ tịch UBMTTQVN thị xã Quảng Trị                                                          | 01.003<br>4,32<br>(01/6/2021)  | Đại học ngành Luật; Thạc sĩ Luật kinh tế                                       | Cao cấp   | QLNNCVC | Không              |
| 31. | Trần Văn Tiến       | 08/8/1971             | Thị ủy viên, Chánh Văn phòng Thị ủy, luân chuyển về làm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND phường An Đôn, thị xã Quảng Trị | 01.003<br>4,65<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Luật                                                             | Cao cấp   | QLNNCVC | Không              |
| 32. | Nguyễn Thùy Dương   | 07/11/1978            | Huyện ủy viên, Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Vĩnh Linh                                                              | 01.003<br>3,99<br>(01/4/2020)  | Đại học ngành Thông tin thư viện; Đại học Chính trị học ngành Công tác tổ chức | Trung cấp | QLNNCVC | Không              |
| 33. | Nguyễn Thị Tuyết    | 14/02/1976            | Huyện ủy viên, Chủ tịch Hội LHPN huyện Vĩnh Linh                                                                      | 01.003<br>3,66<br>(01/6/2020)  | Đại học ngành Quản trị kinh doanh; Thạc sĩ Quản lý kinh tế                     | Cao cấp   | QLNNCVC | Không              |
| 34. | Trương Thị Lệ Chi   | 08/01/1984            | Phó Chủ tịch Hội LHPN huyện Vĩnh Linh                                                                                 | 01.003<br>3,66<br>(01/6/2020)  | Đại học ngành Triết học; Thạc sĩ Triết học                                     | Cao cấp   | QLNNCVC | Không              |
| 35. | Trần Thị Long       | 22/4/1981             | Chủ tịch Hội LHPN Gio Linh                                                                                            | 01 003<br>3,99<br>(01/4/2020)  | Đại học ngành tiếng Nga; Đại học ngành Luật                                    | Cao cấp   | QLNNCVC | Có                 |
| 36. | Nguyễn Thiên Bình   | 29/5/1967             | Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Chủ tịch UBMT TQVN huyện Gio Linh                                                         | 01.003<br>4,65<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Luật kinh tế                                                     | Cao cấp   | QLNNCVC | Không              |
| 37. | Nguyễn Thị Hồng Nga | 20/0/1978             | Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Gio Linh                                                   | 01.003<br>4,32<br>(01/01/2021) | Đại học ngành Anh văn; Đại học ngành Luật                                      | Cao cấp   | QLNNCVC | Có                 |
| 38. | Phạm Thị Vũ Hoài    | 20/11/1984            | Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy Gio Linh                                                                                  | 01.003<br>3,66<br>(02/7/2020)  | Đại học ngành Ngữ văn                                                          | Trung cấp | QLNNCVC | Không              |
| 39. | Trương Thế Hạnh     | 10/4/1972             | Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Triệu Phong                                                                   | 01.003<br>3,99                 | Đại học ngành Luật                                                             | Cao cấp   | QLNNCVC | Không              |



| TT  | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác                                                                                | Ngạch, hệ số lương hiện hưởng  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi |         |         | Miễn thi ngoại ngữ |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|---------|---------|--------------------|
|     |                    |                       |                                                                                                         |                                | Chuyên môn                                        | LLCT    | QLNN    |                    |
|     |                    |                       |                                                                                                         | (14/01/2019)                   |                                                   |         |         |                    |
| 40. | Trần Thị Thu Huyền | 19/9/1982             | Huyện ủy viên, Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Triệu Phong                                              | 01.003<br>3,99<br>(01/4/2021)  | Đại học ngành Ngữ văn                             | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 41. | Nguyễn Trịnh Diễm  | 08/10/1984            | Huyện ủy viên, Bí thư Huyện đoàn Triệu Phong                                                            | 01.003<br>3,33<br>(13/3/2020)  | Đại học ngành Luật                                | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 42. | Lê Thị Thúy Vân    | 17/9/1978             | Phó Chủ tịch Hội LHPN huyện Triệu Phong                                                                 | 01.003<br>4,32<br>(01/3/2020)  | Đại học ngành tiếng Anh; Đại học ngành Luật       | Cao cấp | QLNNCVC | Có                 |
| 43. | Nguyễn Đức Long    | 16/4/1983             | Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy, luân chuyển về Bí thư Đảng ủy xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong  | 01.003<br>3,66<br>(10/01/2020) | Đại học ngành Công nghiệp và công trình nông thôn | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 44. | Võ Văn Hoàng       | 15/8/1969             | Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Hải Lăng                                        | 01.003<br>4,98<br>(15/01/2019) | Đại học ngành Ngữ văn                             | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 45. | Nguyễn Vĩnh Quyền  | 18/4/1972             | Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy, Chủ tịch UBMTTQVN huyện Hải Lăng               | 01.003<br>4,65<br>(01/2/2020)  | Đại học ngành Kế toán; Thạc sĩ Quản lý công       | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 46. | Phạm Ngọc Ánh      | 05/10/1968            | Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện Hải Lăng | 01.003<br>4,98<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Lịch sử                             | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 47. | Ngô Thị Thanh      | 27/02/1982            | Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Hải Lăng                                                        | 01.003<br>3,66<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học           | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 48. | Nguyễn Hữu Trung   | 23/10/1977            | Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy, luân chuyển về Bí thư Đảng ủy xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng                  | 01.003<br>4,65<br>(01/9/2020)  | Đại học ngành Ngữ văn                             | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |
| 49. | Trần Quang Thanh   | 12/7/1968             | Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy                                                 | 01.003<br>4,32                 | Đại học ngành Nông học                            | Cao cấp | QLNNCVC | Không              |



| TT  | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác                                                                    | Ngạch, hệ số lương hiện hưởng  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi        |           |           | Miễn thi ngoại ngữ |
|-----|-------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------|
|     |                   |                       |                                                                                             |                                | Chuyên môn                                               | LLCT      | QLNN      |                    |
|     |                   |                       | Cam Lộ                                                                                      | (06/5/2019)                    |                                                          |           |           |                    |
| 50. | Phan Thanh Hải    | 14/10/1969            | Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Cam Lộ                                              | 01.003<br>4,98<br>(01/11/2016) | Đại học ngành Quản lý xã hội                             | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 51. | Trần Vũ Minh      | 08/01/1978            | Huyện ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân huyện Cam Lộ                                           | 01.003<br>3,99<br>(01/7/2021)  | Đại học ngành Kinh tế phát triển                         | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |
| 52. | Nguyễn Văn Việt   | 20/02/1982            | Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện Cam Lộ                                                      | 01.003<br>3,66<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Kinh tế nông nghiệp; Đại học ngành Kế toán | Cao cấp   | QLNNCVC   | Không              |
| 53. | Nguyễn Đức Linh   | 10/12/1987            | Bí thư Huyện đoàn Đakrông                                                                   | 01.003<br>3,33                 | Đại học ngành Trồng trọt                                 | Cao cấp   | QLNNCVC   | Có                 |
| 54. | Nguyễn Thị Hào    | 30/11/1981            | Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy Đakrông                                                        | 01.003<br>3,99<br>(01/5/2020)  | Đại học ngành Lịch sử; Thạc sỹ Lịch sử                   | Trung cấp | QLNNCVC   | Có                 |
| 55. | Hồ Thị Thu Hằng   | 24/01/1979            | Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Hướng Hóa                           | 01.003<br>3,66<br>(01/01/2019) | Đại học ngành Luật; Thạc sỹ Kinh tế chính trị            | Cao cấp   | QLNNCVC   | Có                 |
| 56. | Nguyễn Quang Hưng | 23/9/1971             | Huyện ủy viên, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện Hướng Hóa | 01.003<br>4,65<br>(01/01/2020) | Đại học ngành Luật                                       | Cao cấp   | QLNNCVC   | Có                 |
| 57. | Nguyễn Bá Hải     | 19/9/1979             | Huyện ủy viên, Trưởng Ban Xây dựng Đảng Huyện ủy đảo Cồn Cỏ                                 | 01.003<br>3,99<br>(01/01/2021) | Đại học ngành Lịch sử                                    | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |
| 58. | Nguyễn Lê Tài     | 03/02/1981            | Phó Trưởng Ban Xây dựng Đảng Huyện ủy đảo Cồn Cỏ                                            | 01.003<br>3,99<br>(01/8/2020)  | Đại học ngành Triết học                                  | Cao cấp   | CCLLCT-HC | Không              |

Danh sách này có 58 đồng chí./.